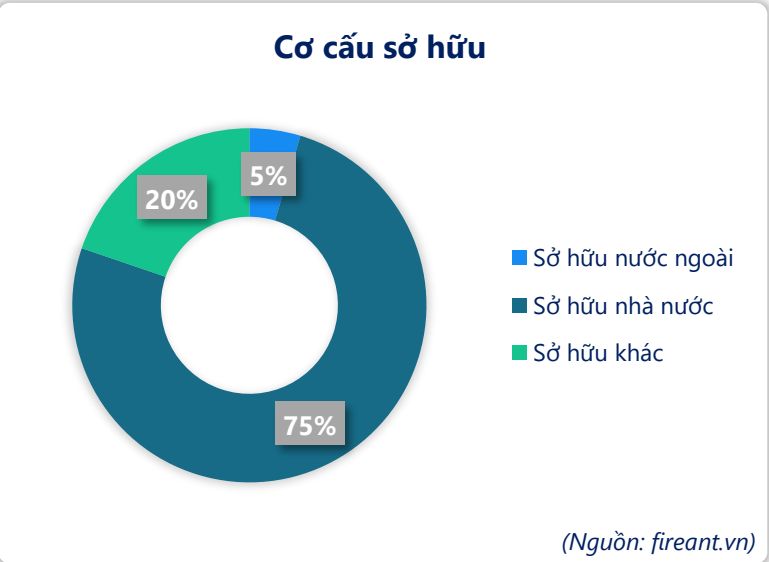
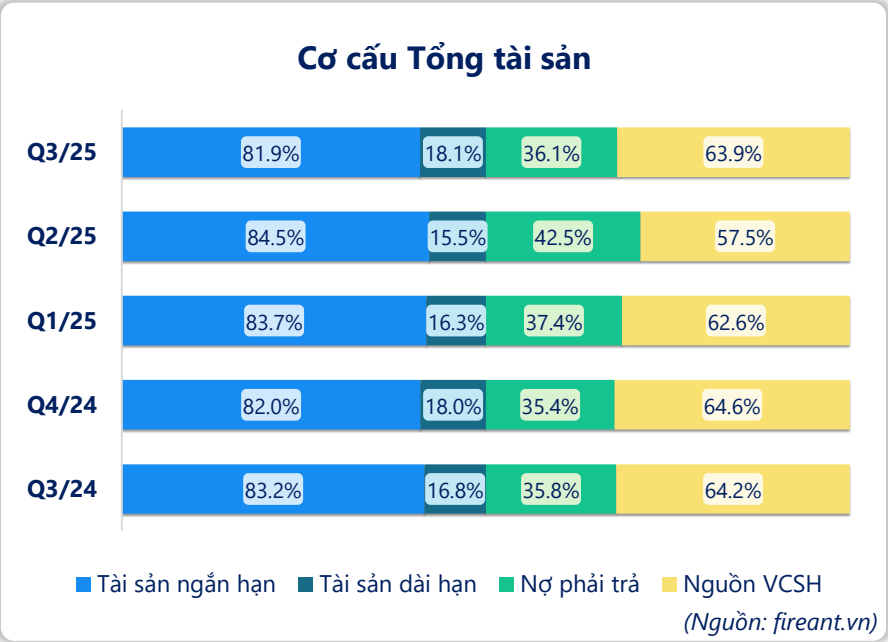
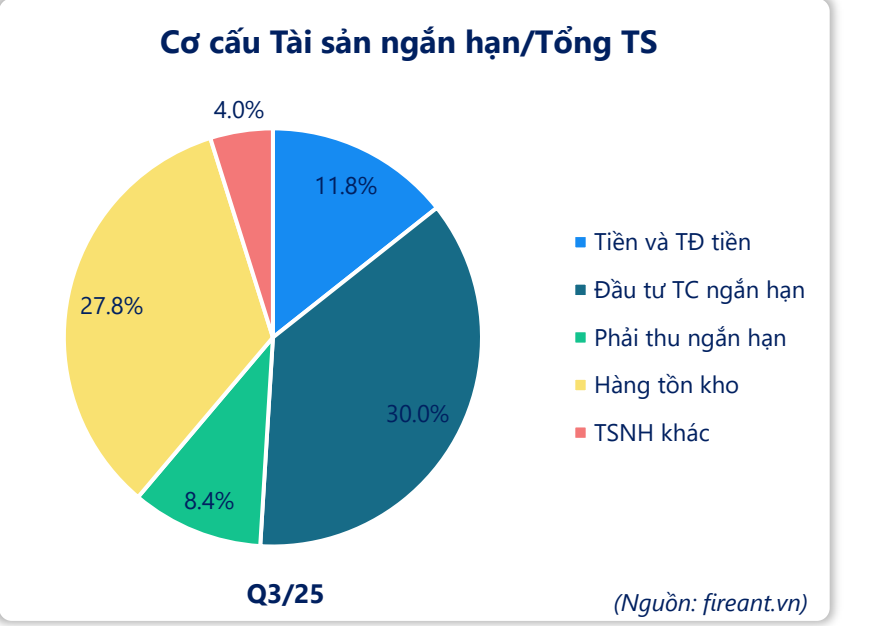
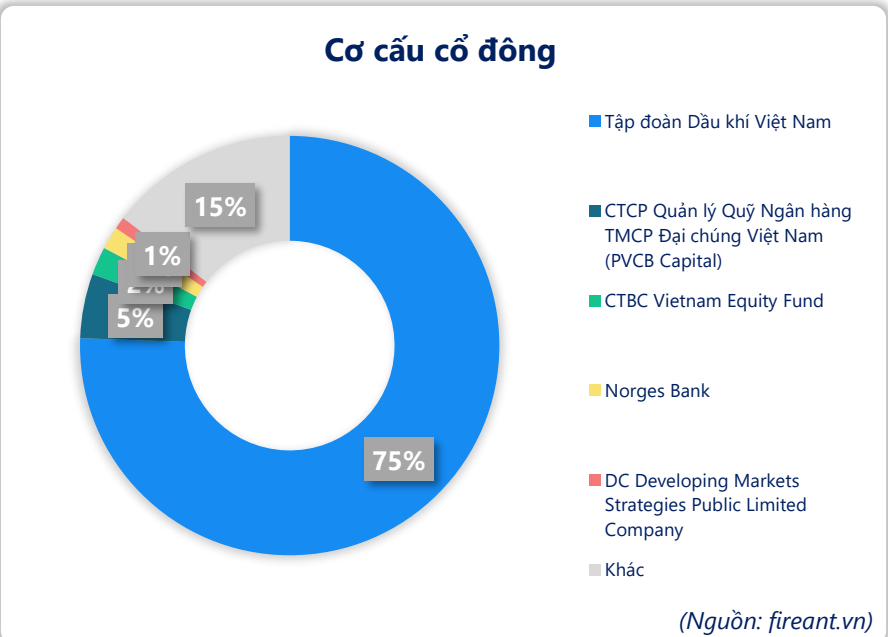
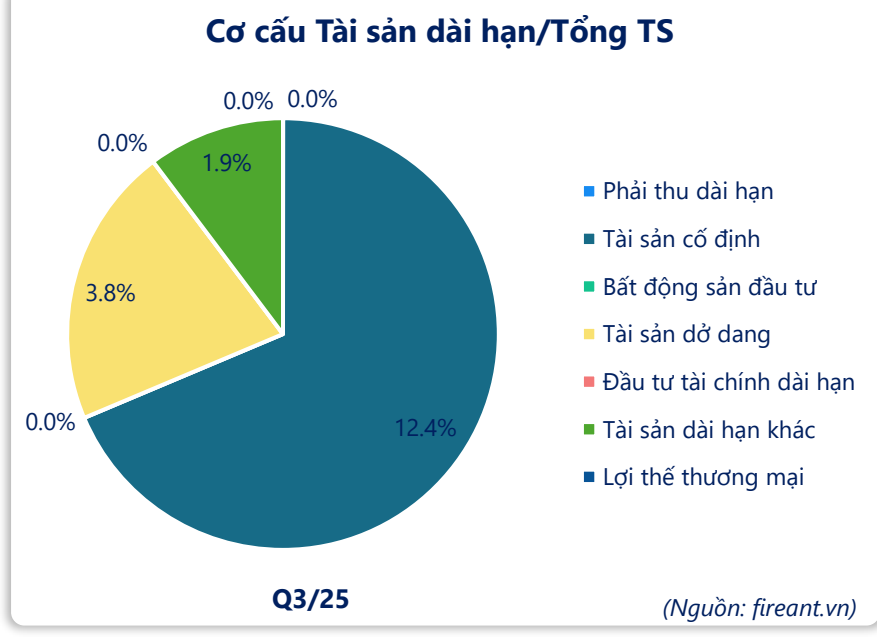
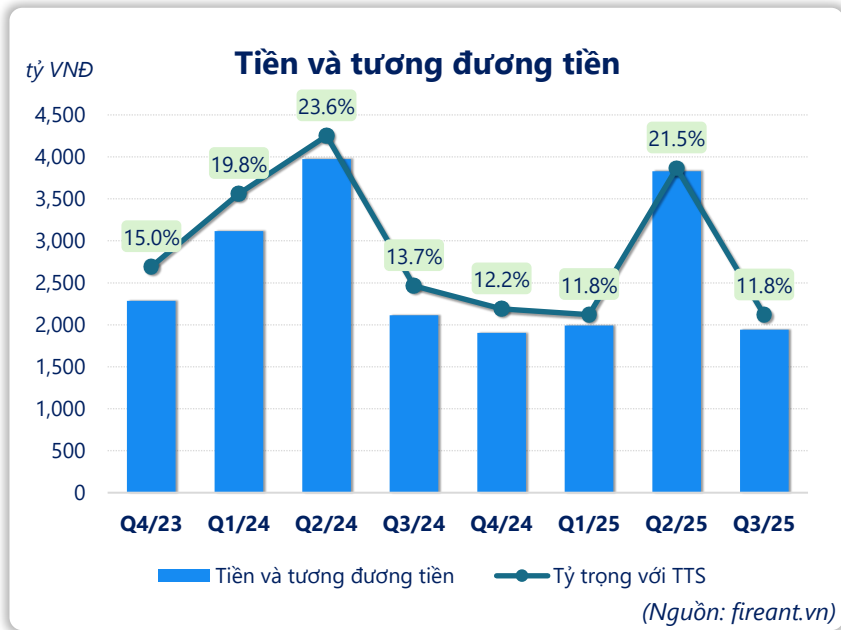
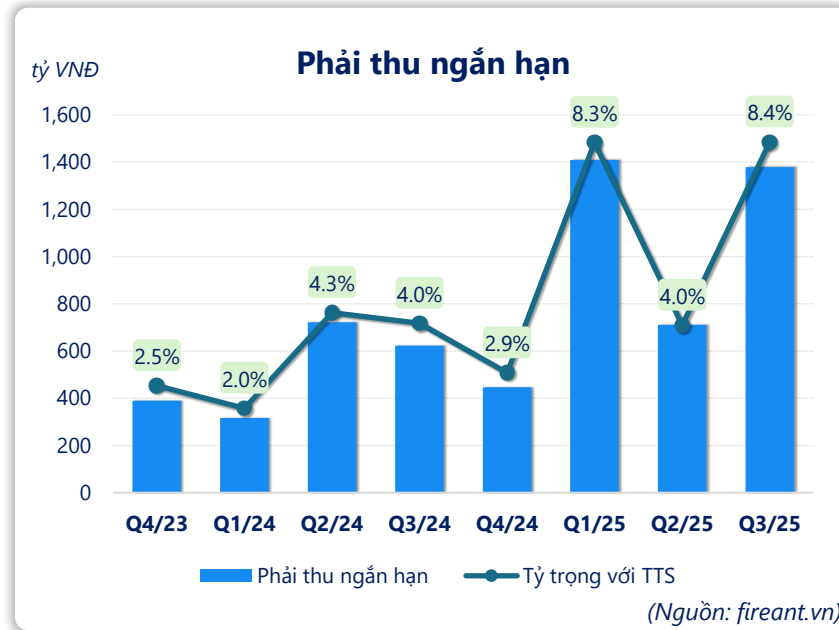
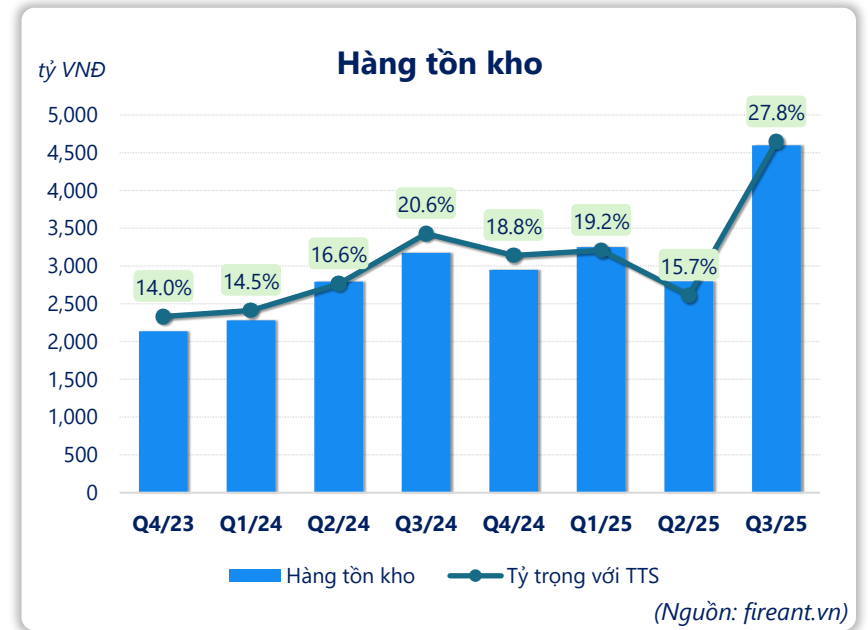
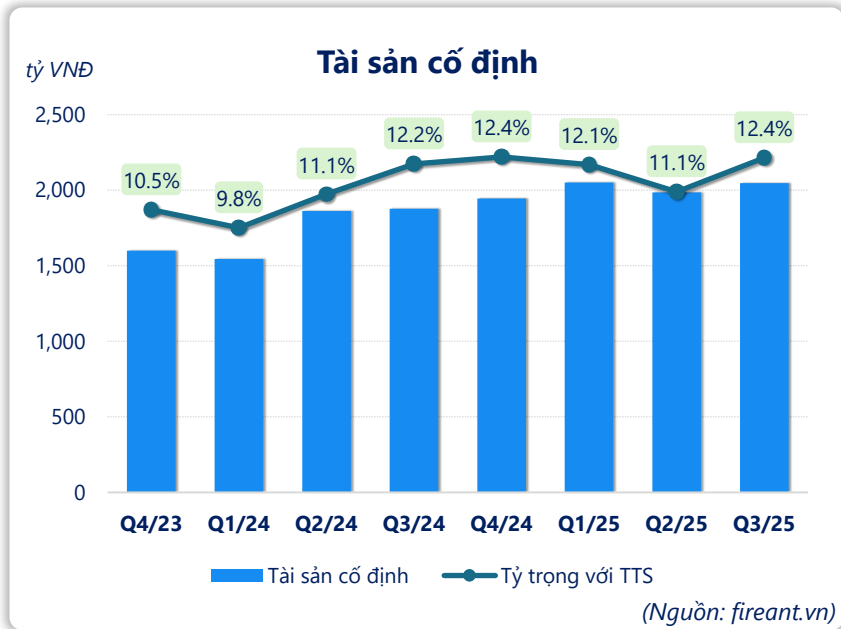
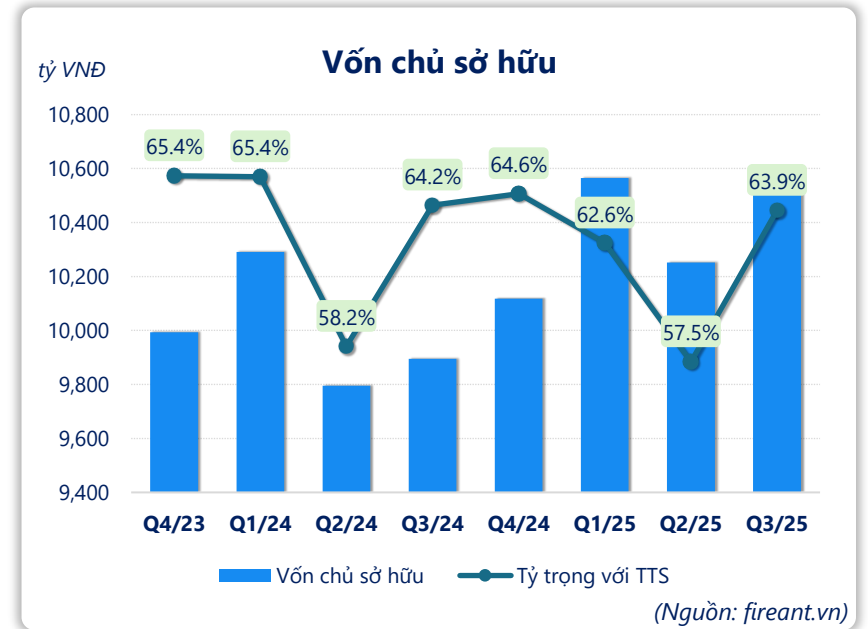
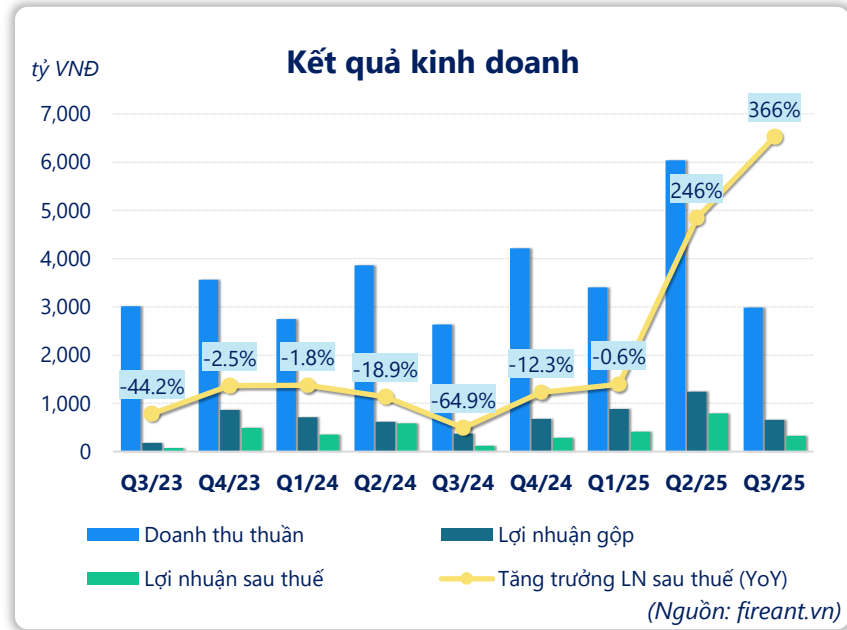
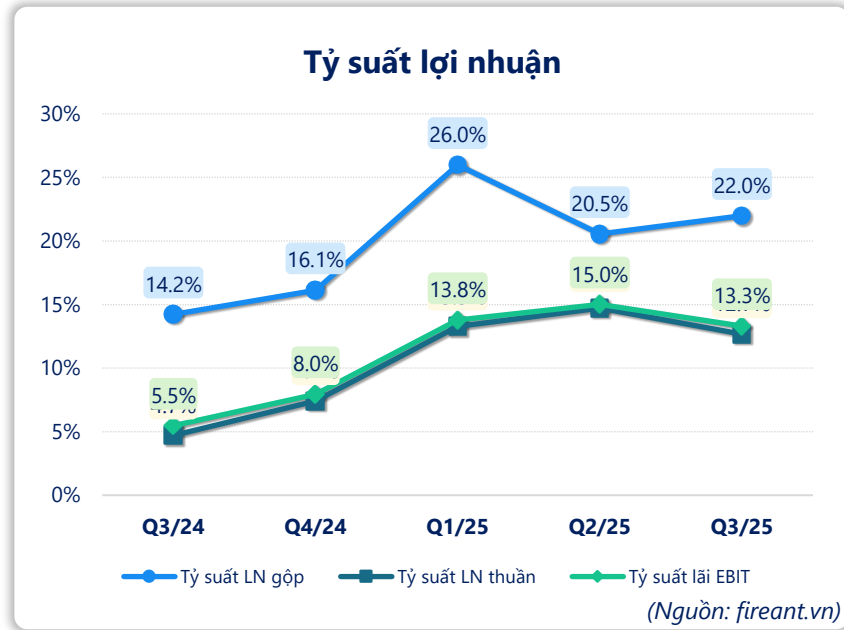
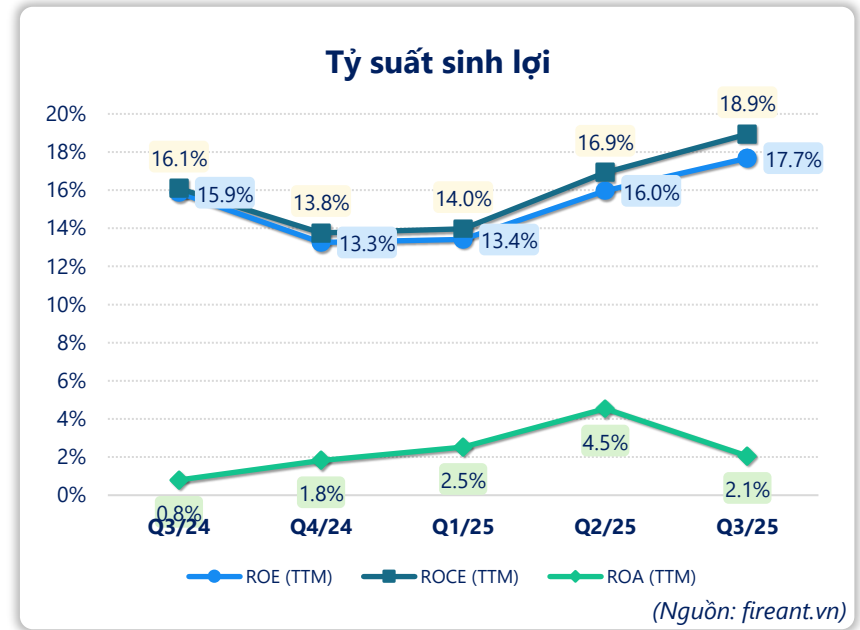
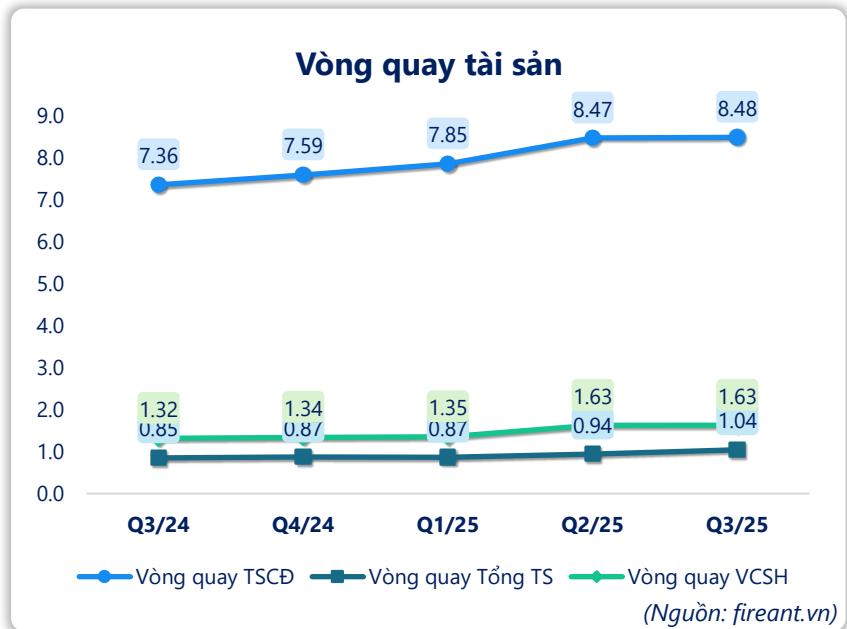
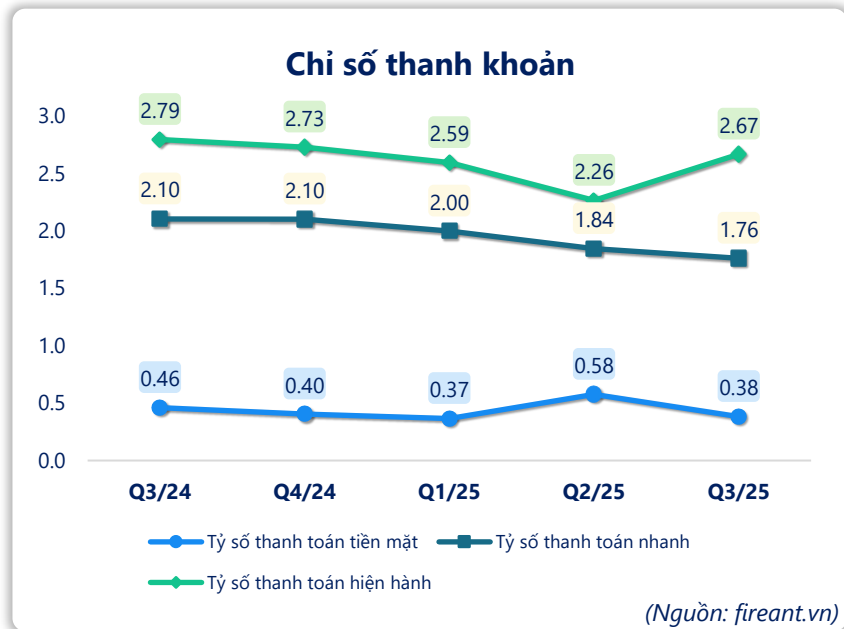
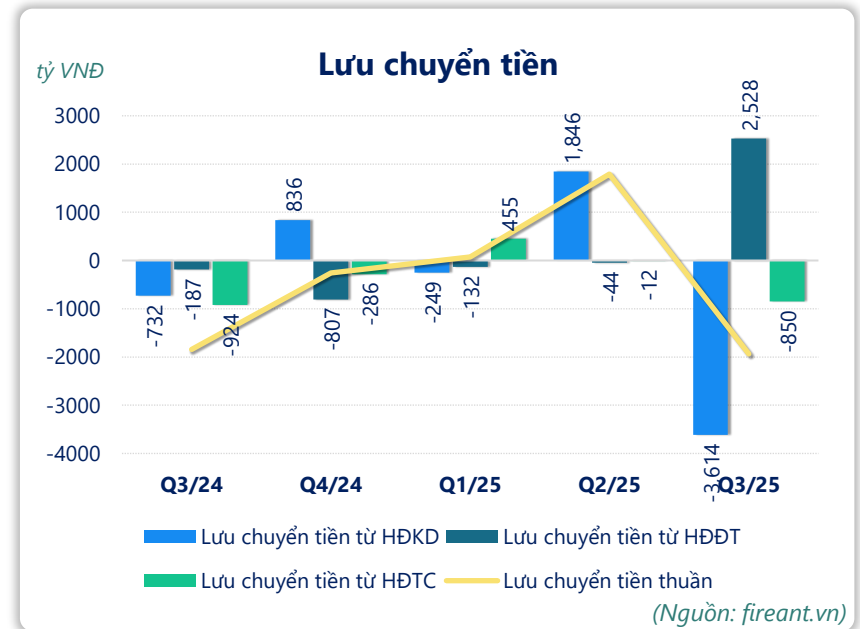


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		37,150
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		43,350
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,802
SL cổ phiếu LH		529,400,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,795,420
% sở hữu nước ngoài		4.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		19,667
P/E		10.9
EPS		3,414

	YTD	1T	3T	6T
DCM	10.3%	-6.3%	10.7%	18.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	16,506	15,729	4.9%
Tài sản ngắn hạn	13,523	12,921	4.7%
Tiền và tương đương tiền	1,941	1,903	2.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4,952	7,039	-29.6%
Phải thu ngắn hạn	1,379	529	161%
Hàng tồn kho	4,597	2,950	55.8%
Tài sản ngắn hạn khác	655	500	31.1%
Tài sản dài hạn	2,982	2,808	6.2%
Phải thu dài hạn	0.51	0.51	0.0%
Tài sản cố định	2,047	1,946	5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	629	601	4.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	306	260	17.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,951	5,552	7.2%
Nợ ngắn hạn	5,073	4,681	8.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,921	1,229	56.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,167	1,612	-27.6%
Nợ dài hạn	879	871	0.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	72.3	120	-39.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	10,554	10,177	3.7%
Vốn chủ sở hữu	10,554	10,177	3.7%
Vốn điều lệ	5,294	5,294	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2,634	4,214	3,407	6,037	2,988
Giá vốn hàng bán	2,260	3,534	2,522	4,797	2,331
Lợi nhuận gộp	375	680	885	1,241	657
Doanh thu HĐTC	39.1	119	97.0	122	129
Chi phí TC	13.9	25.2	19.0	30.2	28.1
Chi phí lãi vay	12.7	15.4	15.5	18.0	19.0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	186	371	339	214	271
Chi phí QLDN	90.6	90.4	172	229	107
LN thuần từ HĐKD	124	312	452	889	379
Lợi nhuận khác	7.61	7.55	1.90	-0.27	-0.30
LN trước thuế	132	320	454	888	379
Lợi nhuận sau thuế	121	286	412	788	328
LNST của CĐ cty mẹ	120	282	411	786	328

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-732	836	-249	1,846	-3,614
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-187	-807	-132	-43.6	2,528
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-924	-286	455	-11.7	-850
Tiền đầu kỳ	3,975	2,112	1,903	1,991	3,829
Lưu chuyển tiền thuần	-1,843	-258	73.2	1,790	-1,936
Ảnh hưởng tỷ giá	-32.3	49.3	14.4	47.8	47.8
Tiền cuối kỳ	2,112	1,903	1,991	3,829	1,941

(Nguồn: fireant.vn)